

Bản án số: **149/2020/HC-PT**  
Ngày: 12-3-2020  
V/v Khiếu kiện quyết định hành  
chính

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Lưu Thị Đoan Trang.  
2/ Bà Phùng Thị Như Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Tôn Mạnh Hùng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 tháng 2 và ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/HCPT ngày 16/10/2012 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án sơ thẩm số 01/2012/HCST ngày 11/9/2012 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị người khởi kiện bà Nguyễn Thị L kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2514/2019/QĐPT-HC ngày 27/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2020/QĐPT-HC ngày 14/01/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 834/2020/QĐ-PT ngày 14/2/2020, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: 443/317A S, Phường A, Quận B, Thành phố H

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố H.

Địa chỉ: 99-99A T, Quận B, Thành phố H.

Đại diện ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Thanh B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận B:

- Ông Nguyễn Ngọc Anh K(có mặt)

- Ông Trần Hải N (vắng mặt ngày 14/2, có mặt ngày 12/3)

- Ông Lê Ngọc D (vắng mặt ngày 14/2, có mặt ngày 12/3)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953

Địa chỉ: 8/12 tổ 6, T, M, Thành phố H.

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: 443/317A S, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Đại diện ủy quyền của bà M và bà H: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: 443/317A S, Phường A, Quận B, Thành phố H.

3.3. Công ty Cổ phần đầu tư S (tên cũ là Công Ty Xây Dựng S)

Địa chỉ: 78 H, phường B, Quận A, Thành phố H.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Tr – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (có mặt).

Địa chỉ: 78 H, phường B, Quận A, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

*Người khởi kiện có bà Nguyễn Thị L đồng thời là đại diện cho bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Trước năm 1964, gia đình bà thuê nhà ở xóm Cây Diệp ở đường T. Đến năm 1964, cha mẹ bà là ông Nguyễn Hoàng M (đã chết ngày 12/4/1990) và mẹ bà là Huỳnh Thị H (đã chết ngày 11/11/2005) cũng đến giành một mảnh đất để cất nhà, đó là căn nhà hiện anh chị em bà đang cư trú liên tục từ trước tới nay mang số 443/317A S, Phường A, Quận B, Thành phố H. Bố mẹ bà tự dựng nhà gỗ để ở, đến năm 1982 có thay đổi cấu trúc là tự xây nhà cấp 4, tường cột bằng gạch, nền gạch hoa, mái tôn, có gác lửng. Đến năm 1990 có sửa chữa lại nâng nền, thay sàn gác, lợp tôn quét sơn nước, có làm thêm gác lửng 2. Gia đình bà có làm đơn gửi Phòng Quản lý Đô thị Quận B xin làm hợp thức hóa nhà số 443/317A S, Phường A, Quận B, Thành phố H đến ngày 10/7/1997 có Công văn số 11042/KTST-KV1 không nên giải quyết Hợp thức hóa chủ quyền dành để mở hẻm. Ba mẹ bà chỉ có ba người con là bà, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H. Nhà bà nằm ở thửa số 82.

Ngày 20/1/2003, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 09/QĐ-UB về việc công bố danh sách 136 căn hộ phải di dời giải tỏa trong dự án xây dựng chung cư cao tầng Phường 12-13 trong đó căn nhà số Ủy ban nhân dân Quận B.

Ngày 22/3/2011, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ông Hà Phước T ban hành Văn bản số 222/UBND, bà nhận được văn bản này vào ngày 26/3/2011. Việc Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 09/QĐ-UB

ngày 20/1/2003 là căn cứ vào Quyết định số 3741/KTST-KT ngày 22/10/2002 của Kiến Trúc Sư Trưởng Thành Phố về việc thỏa thuận kiến trúc quy hoạch công trình cụm chung cư cao tầng tại Phường 12-13, Quận B, Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao đất cho Công ty xây dựng và kinh doanh nhà S để đầu tư chung cư cao tầng Phường 12-13, Quận B và Quyết định số 3389/QĐ-UB ngày 19/8/2002 của Ủy ban nhân dân Thành Phố về việc điều chỉnh các hộ dân cư vật kiến trúc khác đền bù, trợ cấp thiệt hại, tái định cư trong dự án chung cư cao tầng Phường 12-13, Quận B. Bà yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B cung cấp hai bản vẽ theo Quyết định số 09 và Văn bản số 222 đã căn cứ.

Ngày 25/12/2006, bà khiếu nại Quyết định số 09/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Quận B, ngày 20/01/2003 yêu cầu cung cấp về mặt pháp lý một bản vẽ số 15692/GĐ-ĐCND tỉ lệ 1/200 do Sở địa chính Nhà đất duyệt ngày 03/6/2002 thu hồi 9.745m<sup>2</sup> đất tại Phường 12-13 Quận B và Quyết định thỏa thuận chính thức số 3714/KTST-KT của Kiến trúc sư trưởng Thành phố ký ngày 22/10/2002. Vì hai bản vẽ nêu trên là cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân Quận B căn cứ ban hành Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/01/2003 để công bố danh sách 136 căn hộ phải di dời giải tỏa. Trong đó, có căn hộ số 443/317A S, Phường A, Quận B bị giải tỏa trắng, nhưng Ủy ban nhân dân Quận B không cung cấp được hai bản vẽ nêu trên và cũng không ra quyết định giải quyết khiếu nại cho bà.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ông Hà Phước T ra 4 văn bản: 2 văn bản trả lời là Ủy ban nhân dân Quận B chấm dứt nhận đơn khiếu nại của bà tại Ủy ban nhân dân Quận B vì không có tình tiết mới là Văn bản số 222/UBND ngày 22/3/2011; Văn bản số 472/UBND ngày 18/5/2010; 02 văn bản còn lại một là Văn bản số 51/UBND ngày 14/1/2010 nếu không liên hệ với Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B để nhận tiền bồi thường quá 30 ngày sẽ cưỡng chế theo pháp luật, hai là Văn bản số 101/UBND ngày 02/2/2012 yêu cầu gia đình bà bàn giao mặt bằng và khẩn trương liên hệ với ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B để nhận tiền bồi thường, nếu không thì sẽ thu hồi đất theo pháp luật, bà bất bình và đã làm đơn khiếu nại Văn bản số 101 nhưng đã hơn một tháng mà Ủy ban nhân dân Quận B vẫn không giải quyết khiếu nại cho bà.

Từ ngày 25/12/2006, bà khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận B rất nhiều lần nhưng không được Ủy ban nhân dân Quận B ra quyết định giải quyết khiếu nại và không cung cấp bản vẽ chính theo Quyết định số 2350/QĐ-UBTP ký ngày 03/6/2002 thu hồi 9.745m<sup>2</sup> đất theo Bản vẽ số 15692 do Giám đốc Sở địa chính nhà đất duyệt ngày 10/5/2002 và yêu cầu cung cấp bản đồ chính số 3714 của Kiến trúc sư trưởng Thành phố ký ngày 22/10/2002 nhưng phía bên Ủy ban nhân dân Quận B vẫn không cung cấp được hai bản vẽ chính mà bà đã nêu trên cho Tòa án nhân dân Quận B. Bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B chứng minh cơ sở pháp lý là hai bản vẽ trong Quyết định số 09 và Văn bản số 222/UBND đã căn cứ và xin Tòa án nhân dân Quận B yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B điều chỉnh Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/01/2003.

Ngày 05/8/2005, bà nhận các quyết định và bản đồ của đại diện Tổ công tác: Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng Quận B và Ủy

ban nhân dân Quận B, tổ công tác mời hộ bà Huỳnh Thị H ( bà đại diện đi họp) đến thảo luận di dời theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời ông Võ Nhứt Luân có cung cấp các quyết định và bản đồ photo theo yêu cầu của bà Loan, cụ thể:

1/ QĐ số 3389/QĐ-UB của UBND TP ngày 19/8/2002

2/ QĐ số 2350/QĐ-UB của UBND TP ngày 03/6/2002

3/ QĐ số 09/QĐ-UB của UBND Q3 ngày 20/1/2003

4/ Bản đồ vị trí khu đất số 15692/GĐ-ĐCND ngày 10/5/2002 và diện tích 7.527m<sup>2</sup> đất.

Đến ngày 25/12/2006 bà có đơn khiếu nại Quyết định số 09 của Ủy ban nhân dân Quận B ngày 20/1/2003, bà vẫn yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B cùng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B cung cấp Bản đồ số 15692/GĐ-ĐCND duyệt ngày 10/5/2002 theo Quyết định số 2350 của Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 03/6/2002 thu hồi 9,745 m<sup>2</sup> đất và phải có bản đồ chính để đối chiếu còn nếu không thì yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ra Quyết định hủy bỏ Quyết định số 09 vì không có đầy đủ cơ sở pháp lý để giải tỏa căn nhà số 443/317A S, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Đến ngày 27/4/2010 bà có đơn khiếu nại Quyết định số 09 lần 2.

Bà vẫn yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B cung cấp bản đồ thu hồi 9.745m<sup>2</sup> đất theo Quyết định số 2350 của Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 03/6/2002, nhưng cho đến nay Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B vẫn không cung cấp được bản đồ 9,745m<sup>2</sup> đất của Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 03/6/2002 cho bà, từ ngày 20/1/2003 Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 09 về việc công bố danh sách 136 hộ phải di dời giải tỏa trong dự án xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12-13, Quận B đã gần 8 năm mà không có Quyết định thu hồi đất riêng căn nhà số 443/317A S, Phường A, Quận B.

Vào ngày 25/12/2006 và ngày 27/4/2010 bà khiếu nại Quyết định số 09, nhưng bà đều không nhận được quyết định giải quyết việc khiếu nại của Ủy ban nhân dân Quận B cho bà.

Theo Văn bản số 472/UBND ban hành ngày 18/5/2011 thì Ủy ban nhân dân Quận B nhận được Công văn số 2880/VP-ĐTMT ngày 06/5/2011 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về việc chuyển đơn của bà Nguyễn Thị L về việc công bố danh sách các hộ dân, cơ quan, đơn vị và vật kiến trúc khác phải điều chỉnh, di dời trong dự án Đầu tư Xây Dựng chung cư cao tầng tại Phường 12-13, Quận B.

Nay bà khởi kiện Quyết định số 09/QĐUB ngày 20/01/2003 của Ủy ban nhân dân Quận B giải tỏa thu hồi đất đối với căn nhà số 443/317A Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận B không có cơ sở pháp lý, lý do không cung cấp được hai bản vẽ và không có quyết định thu hồi đất. Nếu Ủy ban nhân dân Quận B không chứng minh được cơ sở pháp lý là hai bản vẽ mà trong Quyết định số 09 và Văn bản số 222/UBND đã căn cứ, xin Tòa án nhân dân Quận B yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B điều chỉnh Quyết định số 09/QĐUB ngày 20/01/2003 loại bỏ căn nhà số

443/317A S, Phường A, Quận B ra khỏi danh sách 136 hộ phải di dời giải tỏa theo Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/01/2003.

*Đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B có ông Nguyễn Thanh V, ông Hồ Quân C, bà Hồ Phương T, bà Tần Thị Xuân H trình bày:*

Căn cứ vào Điều 1 Theo Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thu hồi 9.745 m<sup>2</sup> đất tại Phường 12-13, Quận B. Giao cho Công ty xây dựng và kinh doanh nhà S sử dụng 7.527m<sup>2</sup> trong đó gồm 6.818m<sup>2</sup> đất thu hồi nêu trên và 709m<sup>2</sup> đất là đường thuộc Phường 12-13 Quận B để đầu tư xây dựng chung cư cao tầng. Phần diện tích chênh lệch 2.927m<sup>2</sup> là phần đất thuộc lộ giới đường giao thông khu vực do Nhà nước quản lý và sử dụng. Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo bản đồ số 15692/GĐ-ĐCND tỷ lệ 1/200 do Sở Địa Chính-Nhà đất duyệt ngày 10/5/2002. Tại quyết định này cũng giao cho Ủy ban nhân dân Quận B quản lý 2.927m<sup>2</sup> đất thuộc lộ giới đường giao thông khu vực theo quy hoạch và phối hợp với Sở Tài Chính vật giá hướng dẫn Công ty xây dựng và kinh doanh nhà S bồi thường cho các hộ dân theo quy định.

Căn cứ vào Quyết định số 3389/QĐ-UB ngày 19/8/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, vật kiến trúc khác và đền bù hỗ trợ thiệt hại, định cư trong dự án đầu tư xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12-13. Danh sách các hộ dân cư và vật kiến trúc khác phải điều chỉnh, di chuyển do Ủy ban nhân dân Quận B xác định và công bố.

Ngày 20/1/2003, Ủy ban nhân dân Quận B đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-UB về việc công bố danh sách các hộ dân phải thực hiện điều chỉnh di dời trong dự án xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12-13 Quận B trong đó có nhà 443/317A S, Phường A, Quận B. Khi ban hành quyết định này, Ủy ban nhân dân Quận B căn cứ vào Quyết định 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 và Quyết định 3389/QĐ-UB ngày 19/8/2002 và Công văn số 32/SG-CP ngày 17/1/2003 của Công Ty Xây Dựng Và Kinh Doanh Nhà S, Ủy ban nhân dân Quận B cũng chỉ được cung cấp bản vẽ sao y, do đó không có bản vẽ bản chính để cung cấp theo yêu cầu của bà L.

Ủy ban nhân dân Quận B đã công khai bản vẽ này và nhiều lần họp dân cũng đã cho người dân xem bản vẽ.

Ngày 20/4/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố H đã ban hành Quyết định số 1839/QĐ-UBND về điều chỉnh Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố trong đó chỉ điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh diện tích đất thu hồi là 10.058,2m<sup>2</sup> đất tại Phường 12-13 Quận B. Giao cho Công ty xây dựng và kinh doanh nhà S sử dụng 7.527m<sup>2</sup> trong đó có 7.117,5m<sup>2</sup> trong tổng diện tích thu hồi nêu trên và 409,5m<sup>2</sup> đất là đường thuộc Phường 12-13 Quận B để đầu tư xây dựng chung cư cao tầng. Phần diện tích chênh lệch giữa diện tích thu hồi và diện tích đất giao là 2.531,2m<sup>2</sup> thuộc lộ giới đường giao thông khu vực do Nhà nước quản lý sử dụng. Vị trí ranh giới khu đất không thay đổi và được xác định theo bản vẽ hiện trạng (tỷ lệ 1/200) và bản đồ vị trí (tỷ lệ 1/200) số 15692/GP-TNMT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường duyệt ngày

14/12/2006. Các nội dung khác của Quyết định 2350/QĐ-UB vẫn không thay đổi.

Ủy ban nhân dân Quận B không có trách nhiệm phải cung cấp hai bản vẽ bản chính theo yêu cầu của bà Loan. Ủy ban nhân dân Quận B khi ban hành Quyết định số 09/QĐ-UB là chấp hành theo các quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố. Việc bà L kiện Ủy ban nhân dân Quận B là không đúng thẩm quyền. Vào thời điểm năm 2002, việc thu hồi đất để làm dự án là thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Do vậy, Ủy ban nhân dân Quận B không có thẩm quyền để ban hành Quyết định thu hồi đất của từng hộ dân như bà L yêu cầu.

Quyết định 09 do Ủy ban nhân dân Quận B ban hành trên cơ sở chấp hành Quyết định 3389 ngày 19/8/2002 của Ủy ban nhân dân Thành Phố.

Sau khi ban hành danh sách theo Quyết định số 09, Ủy ban nhân dân Quận B giao cho các đơn vị có trách nhiệm liên quan gồm:

- Công ty xây dựng và kinh doanh nhà S (Chủ đầu tư dự án).
- Ủy ban nhân dân Phường 12-13 (nơi có đất thu hồi)
- Công ty Dịch vụ công ích Quận B (đơn vị thực hiện bồi thường lúc đó),

Các đơn vị này đã phối hợp mời các hộ dân phổ biến danh sách, Quyết định công bố danh sách là chủ trương thực hiện dự án thu hồi đất, ranh đất thu hồi. Buổi công bố đã được tổ chức tại trường Đoàn thị Điểm, Phường 12 Quận B. Thời điểm tổ chức công bố là khoảng đầu năm 2003.

Về bản vẽ ranh thu hồi đất: Hiện nay, Ủy ban nhân dân Quận B chỉ có bản photo bản đồ số 15692/GĐ-ĐCND tỷ lệ 1/200, gồm 1 bản thu hồi đất và 1 bản ranh giao đất do Sở Địa Chính Thành phố duyệt ngày 10/5/2002.

Vào ngày 05/8/2005 có lập biên bản giao Quyết định số 09 cho bà L và ngày 25/12/2006 và ngày 27/4/2010 bà L khiếu nại Quyết định số 09, Ủy ban nhân dân Quận B đã trả lời cho bà L như sau: Văn bản số 620/UBND ngày 03/7/2009 và Văn bản số 461/UBND ngày 26/4/2010 thông báo cho bà L biết việc trả lại đơn vì thời hạn khiếu nại của bà đối với Quyết định số 09 đã hết.

Ngày 22/3/2011, Ủy ban nhân dân Quận B có Văn bản số 222/UBND về việc trả lại đơn và thông báo chấm dứt việc nhận, giải quyết đơn.

Ngày 18/5/2011, có Văn bản số 472/UBND nhắc lại cho bà L biết việc Ủy ban nhân dân Quận B đã ra các văn bản sau: Công văn số 620/UBND ngày 03/7/2009, Công văn số 461/UBND ngày 26/4/2010 và Công văn số 222/UBND ngày 22/3/2011 và cũng khẳng định đơn của bà L không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung giải quyết. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Nay qua yêu cầu của bà Loan, Ủy ban nhân dân Quận B không đồng ý điều chỉnh Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/01/2003 loại bỏ căn nhà số 443/317A S, Phường A, Quận B ra khỏi danh sách 136 hộ phải di dời giải tỏa.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà S đại diện bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Căn cứ các quyết định, văn bản pháp lý của dự án do Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Kinh Doanh Nhà Sài Gòn (tên cũ là Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà S) làm chủ đầu tư và căn cứ Quyết định số 3389/QĐ-UB ngày 19/8/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, vật kiến trúc khác và đền bù, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng chung cư cao tầng ở tại Phường 12-13, Quận B. Do đó, Công ty có Công văn số 32/SGCV ngày 17/1/2003 đề nghị Ủy ban nhân dân Quận B xác định và công bố danh sách các hộ dân phải điều chỉnh di chuyển trong phạm vi quy hoạch dự án đầu tư xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12-13 để Công ty có đủ cơ sở pháp lý triển khai việc giải tỏa, đền bù theo đúng quy định pháp luật và Phường 12-13 Quận B ban hành Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/1/2003 về việc công bố danh sách các hộ dân (hộ gia đình, cá nhân), cơ quan, đơn vị và vật kiến trúc khác điều chỉnh, di dời trong dự án đầu tư xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12- 13, Quận B.

Căn cứ vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ số 15692/GĐ-ĐCND tỉ lệ 1/200 của Sở địa chính nhà đất duyệt ngày 10/5/2002 và xét đề nghị của Giám đốc Sở địa chính nhà đất tại Công văn số 5593/ CV-GTĐ ngày 14/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố mới ra quyết định giao đất cho Công ty để đầu tư xây dựng chung cư cao tầng ở tại Phường 12-13 Quận B. Trong quyết định có nêu tại điều 1 thu hồi 9.745m<sup>2</sup> đất tại Phường 12, 13 Quận B giao cho công ty sử dụng 7.527m<sup>2</sup> trong đó gồm 6.818m<sup>2</sup> đất thu hồi nêu trên và 709m<sup>2</sup> đất là đường thuộc Phường 12-13, Quận B để đầu tư xây dựng chung cư cao tầng. Phần diện tích chênh lệch là 2.927m<sup>2</sup> phần đất thuộc lộ giới giao thông khu vực do nhà nước quản lý sử dụng. Bà khẳng định phải có bản vẽ mới ban hành quyết định được và bà đã cung cấp cho Tòa án bản đồ vị trí 9745m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và Môi trường Trung tâm kiểm định bản đồ và Tư vấn tài nguyên Môi trường sao y bản chính ngày 02/8/2012 và xuất trình bản đồ chính năm 2006.

Bản án sơ thẩm số 01/2012/HCST ngày 11/9/2012 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B phải điều chỉnh Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/01/2003 loại bỏ căn nhà số 443/317A S, Phường A, Quận B ra khỏi danh sách 136 hộ phải di dời giải tỏa.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/9/2012, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đầu tư-xây dựng và kinh doanh nhà Sài Gòn vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Luật Tố tụng hành chính.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện, người bị kiện đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Theo Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố thì: Ủy ban nhân dân Thành phố thu hồi 9.745m tại Phường 12 - 13, Quận B giao cho Công ty xây dựng và kinh doanh nhà S sử dụng để đầu tư xây dựng chung cư cao tầng. Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo bản đồ hiện trạng (tỷ lệ 1/200) và bản đồ vị trí (tỷ lệ 1/200) số 15692/GĐ-ĐC do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 14/12/2006. Ngày 19/8/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3389/QĐ-UB về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư (hộ gia đình và cá nhân), vật kiến trúc khác nằm trong phạm vi quy hoạch của dự án đầu tư xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12 - 13, Quận B. Ngày 20/4/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1839/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 theo đó: Diện tích đất thu hồi thực tế là 10.058,2m<sup>2</sup> nhưng chỉ giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn 7.527m<sup>2</sup>. Phần diện tích chênh lệch giữa thu hồi và giao là 2.531,2m<sup>2</sup> nhưng thuộc lộ giới đường giao thông khu vực do Nhà nước quản lý, sử dụng. Vị trí, ranh giới khu đất không thay đổi. Căn cứ vào Quyết định số 2350/QĐ-UB và Quyết định 3389/QĐ-UB và Công văn số 32/SG-CV ngày 17/01/2003 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nhà S. Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/01/2003 về việc công bố danh sách các hộ dân phải thực hiện điều chỉnh, di dời trong dự án xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12 - 13, Quận B trong đó có nhà bà L. Căn cứ vào Văn bản số 3104/SQHKT-VP ngày 09/8/2007 của Sở quy hoạch - Kiến trúc Thành phố thì Văn bản số 3714/KTST-KT ngày 22/10/2002 do Kiến trúc sư Trưởng Thành phố (nay là Sở QH-KT) không có bản đồ mặt bằng định vị ranh quy hoạch tỷ lệ 1/500 kèm theo. Ranh quy hoạch theo văn bản thỏa thuận chính thức số 3714/KTST-KT ngày 22/10/2002 được căn cứ theo ranh nêu tại Quyết định giao đất số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố và xác định theo Bản đồ vị trí tỷ lệ 1/200 số 15692/GĐ-ĐCND do Sở Địa chính-Nhà đất duyệt ngày 10/5/2002.

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 79/2007/NĐCP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ

bản chính, chứng thực chữ ký thì: “Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch” và “Cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu, trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ bản sao là giả mạo thì có quyền xác minh”. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 thì: “Các tài liệu đọc được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”. Do đó, Tòa án Quận B nhận định yêu cầu của bà L về việc được cấp bản chính bản đồ là không có cơ sở chấp nhận. Việc Ủy ban nhân dân Quận B căn cứ vào bản đồ sao y trích lục để xác định đất bà nằm trong ranh và Tòa án nhân dân Quận B căn cứ vào bản đồ sao y trên để bác yêu cầu của bà L là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên quá trình giải quyết phúc thẩm, bà Loạn chỉ cần được xem bản trích lục các bản đồ trên nên ngày 25/02/2020 Tòa án đã làm việc và trao cho bà L02 bản đồ trích lục sao y do Sở Tài nguyên môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp là bản đồ số 15692/GĐ-ĐCND do Sở Địa chính-Nhà đất duyệt ngày 10/5/2002 theo Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản đồ số 15692/GĐTNMT do Sở Tài nguyên môi trường Thành phố H duyệt ngày 14/12/2006 theo Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 về việc điều chỉnh Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H đúng theo yêu cầu của bà L.

Sau khi xem xét các bản đồ, nhận thấy Bản đồ vị trí sao y số 15692/GĐ-ĐCND do Sở Địa chính - Nhà đất duyệt ngày 10/5/2002 thì nhà của bà L thuộc thửa 82, trong đó một phần thửa 82.1 nằm trong ranh quy hoạch và một phần thửa 82.2 có diện tích 4,87m<sup>2</sup> nằm ngoài ranh quy hoạch nhưng có diện tích quá nhỏ không đủ diện tích tách thành một thửa riêng biệt nên Ủy ban nhân dân Quận B đã thu hồi toàn bộ thửa đất 82 của bà L bằng Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2006 là phù hợp với Phương án số 34/KH-UB ngày 12/6/2003 về bồi thường hỗ trợ tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12 và Phường 13 Quận B.

Từ những phân tích trên nhận thấy: Yêu cầu kháng cáo của bà L đối với bản án hành chính sơ thẩm số 01/2012/HCST ngày 11/9/2012 của Tòa án nhân dân Quận B là không có cơ sở chấp nhận.

Bởi những lập luận trên, Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của người khởi kiện.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên phần nội dung của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2012/HSST ngày 11/9/2012 của Tòa án nhân dân Quận B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật

trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L về việc sửa bản án sơ thẩm, đề nghị điều chỉnh Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/01/2003 loại bỏ căn nhà số 443/317A S, Phường A, Quận B, Thành phố H ra khỏi danh sách 136 hộ phải di dời giải tỏa.

[1.1] Xét thấy ngày 20/1/2003, Ủy ban nhân dân Quận B đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-UB về việc công bố danh sách các hộ dân phải thực hiện điều chỉnh di dời trong dự án xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12-13 Quận B trong đó có nhà 443/317A S, Phường A, Quận B. Khi ban hành quyết định này, Ủy ban nhân dân Quận B căn cứ vào Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 và Quyết định số 3389/QĐ-UB ngày 19/8/2002 và Công văn số 32/SG-CV ngày 17/1/2003 của Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà S. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi 9.745 m<sup>2</sup> đất tại Phường 12 - 13, Quận B và giao cho Công ty xây dựng và kinh doanh nhà S 7.527m<sup>2</sup> trong đó gồm 6.818m<sup>2</sup> đất thu hồi nêu trên và 709m<sup>2</sup> đất là đường thuộc Phường 12-13 Quận B để đầu tư xây dựng chung cư cao tầng. Phần diện tích chênh lệch 2.927m<sup>2</sup> là phần đất thuộc lộ giới đường giao thông khu vực do Nhà nước quản lý và sử dụng. Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo bản đồ số 15692/GĐĐCND tỷ lệ 1/200 và 1/200 do Sở Địa Chính- Nhà đất duyệt ngày 10/5/2002. Tại quyết định này cũng giao cho Ủy ban nhân dân Quận B quản lý 2.927m<sup>2</sup> đất thuộc lộ giới đường giao thông khu vực theo quy hoạch và phối hợp với Sở Tài Chính vật giá hướng dẫn Công ty xây dựng và kinh doanh nhà S bồi thường cho các hộ dân theo quy định. Căn cứ vào Quyết định số 3389/QĐ-UB ngày 19/8/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, vật kiến trúc khác và đền bù hỗ trợ thiệt hại, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng chung cư cao tầng tại phường 12-13 Quận B. Danh sách các hộ dân cư và vật kiến trúc khác phải điều chỉnh, di chuyển do Ủy ban nhân dân Quận B xác định và công bố. Ngày 05/4/2007, Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Văn bản số 2513 khẳng định: “số liệu 9.745m<sup>2</sup> đất thu hồi tại Bản đồ số 15692/GĐĐCND do Sở Địa Chính- Nhà đất duyệt ngày 10 tháng 5 năm 2002 là số liệu tính toán chưa chính xác, chênh lệch 313,2m<sup>2</sup> so với số liệu 10.058m<sup>2</sup> đất thu hồi tại Bản đồ 15692/GĐ-TNMT ngày 14/12/2006. Tuy nhiên, vị trí và ranh giới khu đất giao và khu đất thu hồi tại hai Bản đồ nêu trên đều không thay đổi”. Từ Văn bản nói trên nên ngày 20/4/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1839/QĐ-UBND về điều chỉnh Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong đó chỉ điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 2350/QĐ-UB ngày 03/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh diện tích đất thu hồi là 10.058,2m<sup>2</sup> đất tại Phường 12-13 Quận B. Giao cho Công ty xây dựng và kinh doanh nhà S sử dụng 7.527m<sup>2</sup> trong đó có 7.117,5m<sup>2</sup> trong tổng diện tích thu hồi nêu trên và 409,5m<sup>2</sup> đất là đường thuộc Phường 12-13 Quận B để đầu tư xây dựng chung cư cao tầng. Phần diện tích chênh lệch giữa diện tích thu hồi và diện tích đất giao là 2.531,2m<sup>2</sup> thuộc lộ giới đường giao thông khu vực do Nhà nước quản lý sử dụng. Vị trí ranh giới khu đất không thay đổi và được xác định theo Bản vẽ hiện

trạng (tỉ lệ 1/200) và Bản đồ vị trí (tỉ lệ 1/200) số 15692/GP-TNMT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường duyệt ngày 14/12/2006. Các nội dung khác của Quyết định 2350/QĐ-UB vẫn không thay đổi.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B phải cung cấp được hai bản vẽ bản chính Bản đồ số 15692/GĐĐCND do Sở Địa Chính- Nhà đất duyệt ngày 10/5/2002. Từ năm 2012, Tòa án cũng đã rất nhiều lần có Văn bản gửi Sở Tài nguyên môi trường Thành phố H đề nghị cung cấp bản đồ phục vụ công tác xét xử. Tuy nhiên, mãi đến năm 2019, Sở Tài nguyên môi trường mới cung cấp được 2 bản chính của Bản vẽ hiện trạng (tỉ lệ 1/200) và Bản đồ vị trí (tỉ lệ 1/200) số 15692/GP-TNMT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường duyệt ngày 14/12/2006. Tại phiên tòa phúc thẩm các ngày 14/2/2020 và 12/3/2020, bà L cũng đã xem qua 2 bản đồ nói trên nhưng vẫn đề nghị được xem hai bản vẽ bản chính Bản đồ số 15692/GĐĐCND do Sở Địa Chính- Nhà đất duyệt ngày 10/5/2002. Tuy nhiên, hai bản đồ này không có giá trị pháp lý bởi đã được thay thế bởi Bản vẽ hiện trạng (tỉ lệ 1/200) và Bản đồ vị trí (tỉ lệ 1/200) số 15692/GP-TNMT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường duyệt ngày 14/12/2006 nên Sở Tài nguyên và Môi trường đã không cung cấp cho Tòa án.

[1.3] Tại các bản đồ nói trên thể hiện căn nhà số 443/317A S có số thửa 82 trong đó một phần thửa 82.1 nằm trong ranh quy hoạch và một phần thửa 82.2 có diện tích 4,87m<sup>2</sup> nằm ngoài ranh quy hoạch nhưng có diện tích quá nhỏ không đủ diện tích tách thành một thửa riêng biệt nên Ủy ban nhân dân Quận B đã thu hồi toàn bộ thửa đất 82 của bà L bằng Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2006 là phù hợp với Phương án số 34/KH-UB ngày 12/6/2003 về bồi thường hỗ trợ tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12 và Phường 13 Quận B.

[1.4] Như vậy, Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/01/2003 của Ủy ban nhân dân Quận B về việc công bố danh sách các hộ dân phải thực hiện điều chỉnh di dời trong dự án xây dựng chung cư cao tầng tại Phường 12-13 Quận B trong đó có nhà 443/317A S, Phường A, Quận B là đúng pháp luật, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà L

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3] Do đó, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2012/HCST ngày 11/9/2012 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B phải điều chỉnh Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 20/01/2003 loại bỏ căn nhà số 443/317A S, Phường A, Quận B ra khỏi danh sách 136 hộ phải di dời giải tỏa.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 03684 ngày 06/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 05144 ngày 24/9/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Bản án có hiệu lực thi hành ngay khi tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận B;
- TAND Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dung**